

- Ông Nguyễn Văn K - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C; có mặt.

- Ông Bùi Đăng T - Phó Phòng Tư pháp UBND thành phố C; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: UBND phường T, thành phố C, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến T - Phó Chủ tịch UBND phường T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người khởi kiện ông Trần Văn M trình bày:

Ngày 06/3/2007, ông Trần Văn M được Công ty thương binh Đoàn Kết thành phố C ký duyệt đơn đồng ý bán lại cho ông một số mặt đá khoảng 500m³ tại kho bãi Km5, kho mặt đá này nằm trên diện tích 4.338m², nguồn gốc là của Xí nghiệp làm đường Mỏ từ trước những năm 1985.

Ngày 12/6/2008, ông Trương khu Nam Thạch A và Nam Thạch B có buổi làm việc với ông mượn sân đóng gạch để làm sân bóng đá và giấy giới thiệu của UBND phường T để ông ủng hộ kinh phí theo nội dung biên bản làm việc ngày 12/6/2008.

Tuy nhiên, đến ngày 01/12/2011 ông nhận được Thông báo số 40/TB-UBND của UBND phường T yêu cầu ông di chuyển khối lượng mặt đá để giải phóng mặt bằng xây dựng khu du lịch thương mại. Đến ngày 09/12/2011, UBND phường T ra Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 áp dụng hình thức bảo vệ thi công giải tỏa đóng mặt đá, vật liệu xây dựng. Sau khi bị cưỡng chế gia đình ông bị thiệt hại 4.338m² đất (trong đó có khoảng 200m² ao cá) không được đền bù, 500m³ mặt đá không được đền bù, 1500 viên gạch xi măng không được đền bù.

Sau đó vợ chồng ông có đơn khiếu nại và tố cáo gửi UBND thành phố C, Thanh tra tỉnh và UBND tỉnh Q. Ngày 23/6/2017, UBND thành phố C ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, ông không đồng ý với lý do:

UBND phường đang lưu giữ bản đồ, các văn bản báo cáo kiểm kê đất đai 1 năm 1 lần của UBND phường đã thể hiện Nhà nước chưa quản lý khu vực đất này và cũng chưa có quyết định thu hồi đất. UBND thành phố C nói đã giao cho UBND phường T quản lý từ năm 2005 là sai vì đến năm 2007 ông mới đưa khai thác, quản lý, sử dụng, đào ao, đóng gạch, sàng tuyển phân loại khoảng 500m³ mặt đá không có một biên bản vi phạm, không có tranh chấp với người sử dụng trước.

Ranh giới liền kề mảnh đất 4.338m² ông đang quản lý giống như ranh giới thực hiện dự án khu dịch vụ thương mại được UBND tỉnh Q phê duyệt ngày 16/3/2011 có diện tích 14.784m² là sai vì thực tế ranh giới phía Tây mảnh đất giáp một con đường đất rộng 5m và cách ranh giới với Nhà máy xi măng khoảng 150m.

Thành phố C cho rằng trên diện tích đất 20.906,6m² đất là đất thị xã C trước đây đã giao cho UBND phường T quản lý từ năm 2005 chưa bàn giao cho bất cứ tổ chức cá nhân nào nhưng năm 1985 đã cấp cho Tổ HTX Hợp Lực được phép lấn biển 7.500m² đã cấp cho bà Huệ 240m²; số diện tích còn lại thì một số hộ dân đã san lấp lấn biển trước thời điểm năm 2005. Dự án Khu dịch vụ thương mại được UBND tỉnh Q phê duyệt là một dự án tư nhân nên tại thời điểm này chủ dự án phải tự thỏa thuận với người sử dụng đất nhưng UBND thị xã C đã đem đấu giá quyền sử dụng đất, không có quyết định thu hồi đất, không đền bù giải phóng mặt bằng là vi phạm điểm g khoản 5 Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ.

Thành phố C cho rằng gia đình ông được đến nhận lại 410m³ số mặt đá vì đã tập kết trên khu đất công, nên UBND phường T đã chuyển đến Xí nghiệp đá O; nhưng ông đến nhận lại mặt đá lúc này đất đã bị cưỡng đoạt, đem bán cho người khác.

UBND thành phố C cho rằng 200m² ao cá của ông là do đơn vị khác bốc xúc tạo thành nhưng không chứng minh được các đơn vị đó là ai? Bốc xúc năm nào? Thực tế ao là do ông trong quá trình thu gom mặt đá bằng máy đã tạo thành ao để lấy nước đóng gạch xi măng.

UBND thành phố C cho rằng trước khi cưỡng chế không có 1.500 viên gạch trên sân bãi là sai vì trước khi cưỡng chế UBND thành phố C đã không thực hiện trình tự thủ tục cưỡng chế theo quy định, không lập biên bản hiện trường về khối lượng, chất lượng, giá trị các loại mặt đá.

Căn cứ Điều 32 Luật đất đai 2003 quy định: Việc giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng chỉ được thực hiện sau khi có quyết định thu hồi đất; khoản 5 Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 quy định: không được đấu giá quyền sử dụng đất khi đất đó chưa đền bù giải phóng mặt bằng; Điều 39 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP quy định: Dự án đầu tư thuộc diện chủ đầu tư phải thỏa thuận với người sử dụng đất, mà người sử dụng đất không có các quyền chuyển nhượng, cho thuê bằng quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì Nhà nước thực hiện thu hồi cho nhà đầu tư thuê; khoản 9 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP quy định: Hộ gia đình cá nhân sử dụng đất mà trước đây Nhà nước đã có quyết định quản lý trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, nhưng trong thực tế Nhà nước chưa quản lý mà hộ gia đình cá nhân đó vẫn sử dụng thì được đền bù; điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP quy định: Trường hợp đất đã được sử dụng liên tục quy định tại điểm a khoản này mà có sự thay đổi người sử dụng đất mà sự thay đổi đó không phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất thì được đền bù; Điều 32 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP quy định: Việc cưỡng chế thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều

39 Luật đất đai 2003 chỉ được thực hiện có đủ các điều kiện sau đây: Thực hiện đúng trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư...

Với những cơ sở chứng cứ nêu trên thì 4338m² đất (trong đó có 200m² ao cá), 1500 viên gạch xi măng, gần 500m³ mặt đá đủ điều kiện để bồi thường nhưng UBND thành phố C đã không thực hiện trình tự thủ tục thu hồi đất, không đền bù giải phóng mặt bằng, không thực hiện trình tự thủ tục cưỡng chế là trái pháp luật.

Chủ tịch UBND thành phố C ban hành quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận khiếu nại của ông là không đúng. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố C và yêu cầu lập phương án bồi thường theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện trình bày:

Vị trí khu đất tại tổ 2, khu phố Nam Thạch B, phường T mà ông M có đơn khiếu nại về nguồn gốc là khu vực đất công thuộc quyền quản lý của UBND thị xã C (nay là thành phố C). Năm 2005, UBND thị xã C đã bàn giao cho UBND phường T quản lý (có sơ đồ bàn giao).

Khu đất mà gia đình ông Trần Văn M - bà Phí Thị N tập kết đá mặt là đất công do UBND phường T quản lý từ năm 2005 (được UBND thị xã C bàn giao); ao trên thửa đất là do các đơn vị thi công xúc đất phục vụ các công trình xung quanh tạo thành, không phải do gia đình ông M đào đắp, khi tổ chức bảo vệ thi công hiện trạng không có 1.500 viên gạch. Vì vậy việc ông M yêu cầu lập phương án bồi thường 4.000m² đất, 1.500 viên gạch và 200m² ao là không có cơ sở.

Đối với khối lượng mặt đá khoảng 410m³ của gia đình ông Trần Văn M tập kết trên khu đất công tại tổ 2, khu Nam Thạch, phường T đã được UBND phường T di chuyển đến kho của Xí nghiệp đá O. UBND thành phố C giao UBND phường T có trách nhiệm thông báo với gia đình ông Trần Văn M đến nhận lại khối lượng mặt đá là 410m³ của gia đình ông tập kết trên khu đất công tại tổ 2, khu Nam Thạch, phường T mà UBND phường T đã di chuyển đến kho của Xí nghiệp đá O.

Thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố C, UBND phường T đã 02 lần gửi thông báo cho ông Trần Văn M đến Xí nghiệp đá O để nhận lại số lượng mặt đá nói trên, tuy nhiên ông M vẫn chưa đến nhận. Hiện nay số lượng mặt đá trên vẫn tập kết ở kho của Xí nghiệp đá O.

Do đó, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn M, trú tại tổ 2, khu B, phường T, thành phố C là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - UBND phường T trình bày:

Khu đất mà gia đình ông Trần Văn M - bà Phí Thị N tập kết đá mặt là đất công do UBND phường T quản lý từ năm 2005 (được UBND thị xã C bàn giao); diện tích ao trên thửa đất là do các đơn vị thi công xúc đất phục vụ các công trình xung quanh tạo thành, không phải do gia đình ông M đào đắp, khi tổ chức bảo vệ thi công hiện trạng không có 1.500 viên gạch. Vì vậy việc ông M yêu cầu hủy Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn M, trú tại tổ 2, khu B, phường T, thành phố C và lập phương án bồi thường 4.000m² đất, 1.500 viên gạch và 200m² ao là không có cơ sở.

Thực hiện Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố C, trong đó có nội dung giao UBND phường T thông báo yêu cầu ông Trần Văn M đến nhận lại khối lượng đá mặt đã tập kết tại kho Xí nghiệp O từ năm 2011 với khối lượng khoảng 410,0m³ theo Biên bản xác minh ngày 09/6/2017 của Tổ công tác. Ngày 06/7/2017, UBND phường T đã gửi Thông báo số 50/TB-UBND về việc đề nghị ông Trần Văn M đến nhận lại tài sản khối lượng đá mặt; ngày 03/8/2018 tiếp tục gửi Thông báo số 56/TB-UBND về đề nghị ông nhận lại tài sản khối lượng đá mặt nhưng ông M vẫn không thực hiện nội dung thông báo trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2018/HC-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Q quyết định: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn M về việc “hủy Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn M trú tại tổ 2, khu B, phường T, thành phố C và lập phương án bồi thường theo quy định của pháp luật”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/11/2019, người khởi kiện là ông Trần Văn M có đơn kháng cáo nội dung: Buộc UBND thành phố C phải lập phương án đền bù diện tích 4.338m² đất (trong đó có 200m² ao); 1.500 viên gạch xi măng, 410m³ mặt đá, đền bù danh dự, nhân phẩm mà gia đình ông 06 người mất việc làm khoảng 7 năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Mạnh S đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn M giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Chủ tịch UBND thành phố C đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng

hành chính bác kháng cáo của ông Trần Văn M; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về đối tượng khởi kiện: Ngày 11/7/2017, ông Trần Văn M khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Q huỷ Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại và lập phương án bổ sung cho ông M 4.338m² đất (trong đó có 200m² ao cá) và 1.500 viên gạch xi măng, làm rõ khối lượng, chất lượng, giá trị mỗi loại mặt đá để bổ sung vào phương án bồi thường. Tòa án nhân dân tỉnh Q thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét kháng cáo buộc UBND thành phố C phải lập phương án đền bù diện tích 4.338m² đất tại tổ 2, khu phố Nam Thạch B, phường T: Diện tích 4.338m² đất mà ông Trần Văn M yêu cầu lập phương án bồi thường là khu vực đất công, thuộc quyền quản lý của UBND thị xã C (nay là thành phố C). Năm 2005, UBND thị xã C đã bàn giao cho UBND phường T quản lý (có sơ đồ bàn giao); tại thời điểm này, không có tổ chức cá nhân nào được giao đất, cho thuê đất tại khu vực này. Năm 2008, ông M thay mặt Tổ hợp tác Hợp Lực đề nghị mua lại số mặt đá, đá dăm vụn tại kho Km5 của Công ty Cổ phần thương binh Đoàn Kết để cho xã viên đóng gạch xi măng (số mặt đá có chiều dài từ nhà văn hóa khu Nam Thạch đến lò vôi cũ của xí nghiệp xây lắp mỏ...), không có giấy tờ, tài liệu nào chứng minh diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông M (bản thân ông M cũng thừa nhận việc ông mua đá mặt chứ không mua đất, sau khi mua mặt đá bà N còn làm đơn đề nghị UBND cho thuê đất); ông M chỉ xuất trình được Phiếu thu nộp tiền mua mặt đá; biên bản làm việc của khu Nam Thạch A với ông M (ngày 12/5/2008) với nội dung mượn sân đóng gạch của ông M để phục vụ sinh hoạt hè cho các cháu thiếu nhi. Như vậy, việc ông M yêu cầu lập phương án bồi thường đối với diện tích 4.338m² đất là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu bồi thường 200m² ao nuôi cá do gia đình ông M đào đắp, qua xác minh thể hiện “Ao trên thửa đất là do các đơn vị thi công xúc đất phục vụ các công trình xung quanh tạo thành” nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

[3]. Tại Biên bản làm việc ngày 18/5/2012 giữa UBND phường T với Thanh tra tỉnh Q, UBND phường T có ý kiến “*Đóng mặt đá của gia đình ông M - bà N đã được UBND thành phố C và UBND phường T di chuyển đến kho của Xí nghiệp đá O. Khi bảo vệ thi công, giải phóng mặt bằng, hiện trạng khu đất không có 1.500 viên gạch mà chỉ có rác thải cứng, rác thải xây dựng của các hộ dân xung quanh thải ra*”. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu

bồi thường 1.500 viên gạch xi của ông M là đúng quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bồi thường 1.500 viên gạch xi của ông M.

[4]. Đối với số lượng mặt đá khoảng 410m³ của gia đình ông M, UBND phường T đã di chuyển đến kho của Xí nghiệp đá O. UBND phường T đã 02 lần gửi thông báo (ngày 06/7/2017, UBND phường T gửi Thông báo số 50/TB-UBND; ngày 03/8/2018, tiếp tục gửi Thông báo số 56/TB-UBND) cho ông M đến Xí nghiệp đá O để nhận lại số lượng mặt đá nói trên, tuy nhiên ông M vẫn chưa đến nhận. Hiện nay số lượng mặt đá trên vẫn tập kết ở kho của Xí nghiệp đá O. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường 410m³ mặt đá của ông M là có căn cứ pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông M yêu cầu bồi thường 410m³ mặt đá.

[5]. Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông M là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn M đề nghị hủy Quyết định số 2465/QĐ-UBND; không chấp nhận kháng cáo đền bù danh dự, nhân phẩm và mất thu nhập của 06 người gia đình ông M.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn M không được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn M; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2018/HC-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

2. Án phí: Ông Trần Văn M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0007130 ngày 08/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Q.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Q;
- TAND tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình

